TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LÂM HÀ** **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 24/4/2024
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Phạm Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Luân

Bà Nguyễn Thị Hiền

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Nguyễn Thị Phương – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà Trần Duy Hoàng Thao – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 473/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2023 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2024/QĐXXST – HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Tòa án Lâm Hà giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phùng Thị Phương L, sinh năm 1992.

Địa chỉ: thôn M, xã T, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Trọng Hoàng S, sinh năm 1991.

Địa chỉ: tổ dân phố H, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Địa chỉ: Tòa nhà CC5, khu bán đảo Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Thắng. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Chắng Khánh Quỳnh L. Chức vụ: phó giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách huyện Lâm Hà.

Theo quyết định về việc ủy quyền tham gia tố tụng số 7300/QĐ-NHCS

ngày 19/9/2019; Quyết định số 111A/QĐ-NHCS ngày 12/9/2023

(Chị L có mặt, anh S, bà L có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Phùng Thị Phương L trình bày: Chị L và anh S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng theo quy định của pháp luật. Sau khi kết hôn, cuộc sống chung của vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh S không chịu khó làm ăn, không quan tâm chăm sóc cho vợ con. Hơn nữa, anh S còn chửi bới xúc phạm chị nên mâu thuẫn càng trở nên trầm trọng hơn. Đến nay, chị L xác định tình cảm vợ chồng không thể cải thiện, chị không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân như hiện nay do mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh S.

Về con chung chị L xác định quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Phùng Chương Đ, sinh ngày 03/12/2014 và Nguyễn Phùng Tâm Đ, sinh ngày 31/8/2021. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cả hai con và không yêu cầu anh S phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, chị chị L xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, chị L xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà số tiền là 50.000.000đồng. Khi ly hôn, vợ chồng tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai anh Nguyễn Trọng Hoàng S trình bày: Anh S và chị L xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh ham chơi cờ bạc, không lo làm ăn, quan tâm chăm sóc gia đình nên chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống. Do không tìm được biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng nên anh S và chị L đã sống ly thân từ khoảng tháng 9/2022 đến nay. Nay chị L yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung, anh Nguyễn Trọng Hoàng S xác định vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Phùng Chương Đ, sinh ngày 03/12/2014 và Nguyễn Phùng Tâm Đ, sinh ngày 31/8/2021. Khi ly hôn, anh S đồng ý giao cả hai con chung cho chị L có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, giáo dục, anh không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, anh S xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung, anh Nguyễn Trọng Hoàng S xác định vợ chồng có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà số tiền là 50.000.000đồng. Khi ly hôn, anh sẽ có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng số tiền trên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, do bà Chắng Khánh Quỳnh L đại diện theo ủy quyền trình bày: Theo hồ sơ vay vốn số 7117556152 ngày 23/7/2022, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam – Chi nhánh Lâm Đồng – Phòng giao dịch huyện Lâm Hà cho chị Phùng Thị Phương L và anh Nguyễn Trọng Hoàng S vay số tiền gốc là 50.000.000đồng. Khi chị Phùng Thị Phương L và anh Nguyễn Trọng Hoàng S ly hôn, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu vợ chồng chị Phùng Thị Phương L và anh Nguyễn Trọng Hoàng S phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền là 50.228.000đồng, trong đó nợ gốc là 50.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay đến ngày 15/3/2024 là 228.000đồng. Đồng thời, yêu cầu chị Phùng Thị Phương L và anh Nguyễn Trọng Hoàng S tiếp tục chịu lãi phát sinh theo các hợp đồng vay đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, chị L giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, còn anh S không đồng ý ly hôn mà mong muốn chị L tạo cơ hội để vợ chồng đoàn tụ cùng chăm lo cho các con; về nợ chung anh S nhận trách nhiệm trả.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phùng Thị Phương L. Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo nguyện vọng của con, giao 02 con chung là Nguyễn Phùng Chương Đ, sinh ngày 03/12/2014 và Nguyễn Phùng Tâm Đ, sinh ngày 31/8/2021 cho chị Phùng Thị Phương L có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục; anh Nguyễn Trọng Hoàng S không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, do các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; về nợ chung, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với yêu cầu buộc anh Nguyễn Trọng Hoàng S phải trả cho Ngân hàng khoản nợ 50.000.000đồng tiền gốc và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay.

Về án phí: buộc chị L phải chịu tiền án phí hôn nhân về việc ly hôn; anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc trả nợ cho Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tố tụng*: Bị đơn anh Nguyễn Trọng Hoàng S; Người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là bà Chắng Khánh Quỳnh L vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xét xử vắng mặt bị đơn anh S và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam là hoàn toàn phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phùng Thị Phương L và anh Nguyễn Trọng Hoàng S xây dựng gia đình với nhau vào năm 2014, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Đinh Văn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng. Cuộc sống chung của vợ chồng không được hòa thuận hạnh phúc nên chị L làm đơn xin ly hôn. Xét thấy, vợ chồng chị L, anh S phát sinh mâu thuẫn là do anh S thiếu sự quan tâm chăm sóc gia đình dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau. Trong lúc nóng giận không kiềm chế được anh S đã có những lời nói thiếu tế nhị xúc phạm chị L khiến cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Do không tìm được biện pháp cải thiện nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9/2022 đến nay. Mặc dù thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không thể cải thiện được do mâu thuẫn kéo dài, việc anh S không đồng ý ly hôn nhưng cũng không có hành động cụ thể nhằm cải thiện tình cảm vợ chồng, vợ chồng không còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Do đó nếu cứ tiếp tục kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự do tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị L, xử cho chị L được ly hôn với anh S.

[3] Về con chung: Chị Phùng Thị Phương L và anh Nguyễn Trọng Hoàng S có hai con chung là Nguyễn Phùng Chương Đ, sinh ngày 03/12/2014 và Nguyễn Phùng Tâm Đ, sinh ngày 31/8/2021. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cả hai con chung, còn anh S cũng đồng ý giao 02 con chung cho chị L có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh S không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, trong thời gian vợ chồng sống ly thân thì các con vẫn được chị L chăm sóc, nuôi dưỡng, các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Hơn nữa, cả hai cháu đều là con gái, hiện nay cháu Chương Đan đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với mẹ khi bố mẹ không chung sống với nhau, còn cháu Tâm Đan thì vẫn còn nhỏ cần sự chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao 02 con chung là Nguyễn Phùng Chương Đ, sinh ngày 03/12/2014 và Nguyễn Phùng Tâm Đ, sinh ngày 31/8/2021 cho chị Phùng Thị Phương L có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị L không yêu cầu nên không xem xét.

[4] *Về tài sản chung:* chị L và anh S đều xác định không có và không yêu cầu gì nên không đặt ra để xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị Phùng Thị Phương L và anh Nguyễn Trọng Hoàng S cùng xác định, quá trình chung sống có nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà số tiền là 50.000.000đồng. Khi ly hôn, chị L và anh S thỏa thuận anh S có trách nhiệm trả toàn bộ số nợ trên và không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ án này. Tuy nhiên sau khi Tòa án gửi thông báo thụ lý vụ án thì Tòa án nhận

được đơn yêu cầu độc lập của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam, phòng giao dịch huyện Lâm Hà yêu cầu chị L và anh S phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc là 50.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay đến ngày 15/3/2024 là 228.000đồng và nợ lãi phát sinh kể từ ngày 16/3/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Ngân hàng. Xét thấy, số nợ mà chị Phùng Thị Phương L và anh Nguyễn Trọng Hoàng S vay của Ngân hàng thì ngày 20/7/2022 anh S ký hồ sơ vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000đồng, lãi suất là 7,92%/1 năm, lãi suất nợ quá hạn là 10,296% năm, mục đích vay là hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm cho 01 người, hạn trả nợ gốc định kỳ 06 tháng, mỗi kỳ trả 5.000.000đồng, hạn trả cuối cùng là ngày 23/7/2027; thời hạn vay là 60 tháng. Số tiền vay này cả chị L và anh S cùng xác định là vay để sử dụng vào mục đích của gia đình và là nợ chung của vợ chồng anh, chị. Mặc dù, khoản nợ vay trên thì chị L và anh S đều thực hiện trả lãi theo đúng thỏa thuận của hồ sơ vay đã ký với Ngân hàng và các khoản nợ đều chưa đến hạn trả cuối cùng. Căn cứ Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thì *"Vợ chồng chịu trách nhiệm liên đới"* về các nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng. Nay, chị L và anh S ly hôn sẽ làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam về việc thu hồi vốn cho hộ gia đình (vợ chồng chị L và anh S) vay. Do vậy, Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam yêu cầu chị chị L và anh S phải trả cho Ngân hàng nợ gốc là 50.000.000đồng và tiền lãi vay đến ngày 15/3/2024 là 228.000đồng và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/3/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Ngân hàng là có cơ sở và cần xem xét chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng là hoàn toàn phù hợp.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, anh S có nguyện vọng và tự nguyện nhận trách nhiệm trả số nợ cho Ngân hàng vì khoản nợ vay đều dùng vào mục đích làm ăn của anh S và chị L cũng cho rằng số tiền nợ của Ngân hàng anh S vay về để làm ăn và trả nợ. Do vậy, để đảm bảo khả năng thanh toán nợ cho Ngân hàng, cũng như để thuận tiện hơn cho các bên đương sự trong việc thỏa thuận về tài sản sau này, cần buộc anh S phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng số nợ gốc 50.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay đến ngày 15/3/2024 là 228.000đồng; đồng thời, buộc anh S phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh phát sinh kể từ ngày 16/3/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ gốc cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

[6] Về án phí: Chị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn. Anh S phải chịu 2.511.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng (50.228.000đồng x 5% = 2.511.000đồng (đã làm tròn)).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; các Điều 27, Điều 30 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 90, 91 Luật các tổ chức tín dụng;

- Căn cứ Điều 463 và 466 Bộ luật Dân sự 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.;

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phùng Thị Phương L, xử cho chị Phùng Thị Phương L và anh Nguyễn Trọng Hoàng S được ly hôn.

2. Về con chung: Giao cả hai con chung là Nguyễn Phùng Chương Đ, sinh ngày 03/12/2014 và Nguyễn Phùng Tâm Đ, sinh ngày 31/8/2021 cho chị Phùng Thị Phương L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của con. Anh Nguyễn Trọng Hoàng S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về nợ chung: Buộc anh Nguyễn Trọng Hoàng S phải trả cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền nợ gốc 50.000.000đồng và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng vay đến ngày 15/3/2024 là 228.000đồng; đồng thời, buộc anh S phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/3/2024 theo hồ sơ vay thông qua Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Lâm Hà số 7117556152 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

4. Về án phí: Chị Phùng Thị Phương L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về việc ly hôn. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phùng Thị Phương L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004383 ngày 22 tháng 12 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà.

Anh Nguyễn Trọng Hoàng S phải chịu 2.511.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự".

Đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (24/4/2024); riêng đối với bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn

15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH.
- Lưu AV – HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Phạm Thị Thúy